TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2023/DS-PT

Ngày: 29-3-2023

"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu.

Ông Đỗ Minh Nhựt.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Trần Linda - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

1. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp L, xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Đặng Thị Diễm T1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp L, xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp L, xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Phan Hồng H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp L, xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Minh H1, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp L, xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai

2. Ông Nguyễn K, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp L, xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai

3. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 8, ấp L, xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai

4. Ông Phan Hồng H, sinh năm 1970

5. Chị Phan Thị Lệ T3, sinh năm 1997

6. Anh Phan Tường V, sinh năm 2000

7. Anh Phan Hồng P2, sinh năm 2006 (ông H là cha ruột của anh P2 làm đại diện).

Cùng địa chỉ: Tổ 5, Ấp L, xã T2, huyện P, Đồng Nai.

8. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn 5, xã K1, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà T, bà T1, bà L1, ông H, ông B, ông K, ông H1 có mặt;chị T3, anh V, bà P1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Gia đình bà Đặng Thị Diễm T1 ông Nguyễn K, bà Đinh Thị T ông Hoàng Văn B, bà Trịnh Thị L1 ông Trần Minh H1 và gia đình ông Phan Hồng H bà Nguyễn Thị L2 là hàng xóm quen biết với nhau.

Ông H trình bày ông và bà L2 có 03 con chung là chị Phan Thị Lệ T3, sinh năm 1997, anh Phan Tường V, sinh năm 2000 và anh Phan Hồng P2, sinh năm 2006. Ông và bà L2 không có con riêng và không có nhận con nuôi. Bố mẹ đẻ của bà L2 gồm bà Lê Thị P1, địa chỉ: Thôn 5, K1, L, tỉnh Bình Thuận và Nguyễn H2 (ông H2 đã chết vào năm 2000). Ngoài ra bà L2 không có người thừa kế nào khác.

Ông và bà L2 là vợ chồng sống chung nhà nhưng bà L2 ở nhà chăn nuôi heo và chăm lo cho gia đình còn ông thì làm công việc chăn nuôi vịt nên thường xuyên vắng nhà, mọi việc trong gia đình do bà L2 trực tiếp quản lý. Năm 2019, bà L2 đột ngột qua đời nên không để lại di chúc.

Quá trình sống chung vợ chồng ông có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất khoảng hơn 4000m^2, tọa lạc tại xã T2, huyện P, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 và 01 trang trại chăn nuôi heo. Toàn bộ tài sản này hiện nay do ông đang quản lý và sử dụng.

Bà T1 trình bày vào ngày 10/9/2019 bà T1 có cho ông H, bà L2 mượn tiền

130.000.000đồng, bà L2 là người trực tiếp viết và ký xác nhận vay số tiền này không có mặt ông H. Trong giấy xác nhận vay tiền hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và thời gian cụ thể trả nợ nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất 02% và bà L2 có cam kết khi nào nhận được tiền hỗ trợ của nhà nước thì bà L2 sẽ hoàn trả lại cho bà T1. Bà L2 có trả được 04 tháng tiền lãi là 10.400.000đ sau đó không trả nữa. Ngày 26/9/2019 bà L2 bị tai nạn chết, bà T1 đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H không trả. Mặc dù trong giấy xác nhận nợ không có chữ ký của ông H nhưng thực tế cho thấy bà L2 vay tiền nhằm mục đích trang trải những thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi gây ra vì thời điểm đó gia đình bà L2, ông H có lập trang trại chăn nuôi heo. Nay bà L2 chết, ông H không đồng ý trả nợ vì vậy bà T1 khởi kiện yêu cầu ông Phan Hồng H có trách nhiệm liên đới thanh toán ½ số nợ tương ứng số tiền là 65.000.000đồng và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 (là mẹ ruột của bà L2) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T1 số tiền vay còn nợ là 65.000.000 đồng. Bà T1 không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phan Hồng H có trách nhiệm liên đới thanh toán ½ số nợ tương ứng số tiền là 60.000.000đồng và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 (là mẹ ruột của bà L2) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T1 số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng. Ông H đồng ý trả số nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Ông Nguyễn K là chồng bà T1 cũng thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà T1.

Bà T trình bày vào ngày 14/11/2018 bà T có cho bà L2 vay số tiền 120.000.000đ, hai bên lập văn bản và bà L2 có ký xác nhận nợ. Tuy nhiên trong văn bản không có thỏa thuận lãi và thời hạn trả nợ nhưng thỏa thuận miệng lãi suất 03%. Bà L2 có trả được 02 tháng lãi là 7.200.000đ sau đó không trả nữa. Tháng 9/2019 bà L2 bị tai nạn chết, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H không trả. Bà T cho rằng mặc dù ông H không có mặt khi bà L2 vay tiền nhưng bà L2 vay tiền để đầu tư chăn nuôi heo tăng nguồn thu cho gia đình nên ông H cũng phải biết. Nay bà L2 chết nên bà T làm đơn khởi kiện buộc ông H phải có trách nhiệm trả ½ số nợ bà L2 vay tương ứng với số tiền 60.000.000đ và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 (là mẹ ruột bà L2) có trách nhiệm liên đới trả ½ số nợ tương ứng số tiền 60.000.000đ. Bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phan Hồng H có trách nhiệm liên đới thanh toán ½ số nợ tương ứng số tiền là 55.000.000 đồng và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 (là mẹ ruột của bà L2) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T1 số tiền vay còn nợ là 55.000.000 đồng.

Ông Hoàng Văn B là chồng bà T cũng thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà T.

Ông H không đồng ý trả số nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T ông B vì cho rằng bà L2 vay tiền của bà T là vay góp tiền ngày nhưng ông không có chứng cứ gì nộp cho Tòa. Ông chỉ đồng ý số tiền bà L2 còn nợ của bà T là 60.000.000đ và đồng ý trả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L1 đã được tòa cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện do ngày 09/9/2022 Bà L1 tự nguyện làm đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng và không ai có kháng cáo về vấn đề này nên HĐXX phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Bà Lê Thị P1 trình bày bà là mẹ của chị Nguyễn Thị L2 (mất năm 2019), chị L2 là vợ của ông Phan Hồng H. Chồng bà là ông Nguyễn H2 mất năm 2000. Hiện tại bà P1 đã già yếu và đang sống cùng với con trai út. Bà P1 không biết việc vợ chồng ông H mượn tiền của ai, bao nhiêu và từ thời gian nào. Nay bà Đặng Thi Diễm Thúy, bà Đinh Thị T và bà Trịnh Thị L1 khởi kiện yêu cầu bà P1 thực hiện nghĩa vụ do chị L2 chết để lại là liên đới thanh toán số tiền mà chị L2 đã vay của bà T, bà T1, bà L1 thì bà không đồng ý.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định:

Áp dụng:

- Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 267 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 Bộ luật dân sự;

- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại đối với bị đơn ông Phan Hồng H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L2: Ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2, bà Lê Thị P1.

Buộc ông Phan Hồng H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) cho bà Đinh Thị T và Hoàng Văn B.

Buộc ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (anh P2 do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 có trách nhiệm thanh toán trong phạm vi giá trị di sản được hưởng thừa kế cho bà Đinh Thị T và

Hoàng Văn B.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Diễm T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại" đối với bị đơn ông Phan Hồng H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L2: Ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2, bà Lê Thị P1.

Buộc ông Phan Hồng H phải có trách nhiệm thanh toán số 65.000.000đ (sáu mươi năm triệu đồng) cho bà Đặng Thị Diễm T1 và ông Nguyễn K.

Buộc ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (anh P2 do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 có trách nhiệm thanh toán trong phạm vi giá trị di sản được hưởng thừa kế cho bà Đặng Thị Diễm T1 và ông Nguyễn K.

3. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L1 đối với ông Phan Hồng H và hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L2. Bà L1 có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

Ông Phan Hồng H phải có nghĩa vụ nộp tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 mỗi người phải có nghĩa vụ nộp 1.250.000đ (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Lê Thị P1 (sinh năm 1939) thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về việc trả lại tạm ứng án phí cho các nguyên đơn, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 31/10/2022 ông Phan Hồng H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Đinh Thị T và Đặng Thị Diễm T1.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm*:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Nguyễn Thị L2 là bị đơn trong vụ án là không đúng vì bà L2 đã chết mới phát sinh tranh chấp "Yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" nên đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, không đưa bà L2 vào bản án với tư cách bị đơn.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tuy nhiên tại phiên tòa bà T và bà T1 mỗi người tự nguyện giảm tiền gốc 10.000.000đ là có lợi cho bị đơn và các người thừa kế của bà L2 nên ghi nhận. Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên sửa án về số tiền gốc và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông H làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà L2 vào với tư cách bị đơn là không đúng vì bà L2 chết mới phát sinh tranh chấp "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" nên sửa án sơ thẩm, không đưa bà L2 là bị đơn trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Ông H và bà L2 là vợ chồng. Bà L2 ông H có các con gồm Phan Thị Lệ T3 (1997), Phan Tường V (2000), Phan Hồng P2 (sinh ngày 16/8/2006 do ông H làm đại diện), mẹ ruột bà L2 là bà Lê Thị P1, cha ruột là ông Nguyễn H2 đã mất năm 2000. Bà L2 không có con riêng và không nhận con nuôi nào. Bà L2 mất ngày 26/9/2019.

Tài sản chung của ông H bà L2 là thửa đất 249 tờ bản đồ 16 diện tích 4000m^2 tại xã T2, huyện P, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 02/4/2013 số BN 128887 cho ông Phan Hồng H và bà Nguyễn Thị L2 và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 và 01 khu trang trại chăn nuôi heo. Toàn bộ khối tài sản chung này hiện đang do ông H quản lý và sử dụng.

Bà T1 trình bày bà L2 vay của bà 130.000.000đ có làm giấy nợ. Bà T trình bày bà L2 vay của bà 120.000.000đ có làm giấy nợ. Tại Kết luận giám định số 4862/C09B/KL-KTHS ngày 03/12/2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định chữ ký trong các giấy xác nhận nợ là của bà L2. Ông H không có ý kiến gì về kết luận giám định. Từ đó xác định việc vay tiền giữa bà L2 và bà T1, bà T là có thật được thể hiện thông qua giấy nhận nợ.

Bà L2 vay tiền tuy ông H không biết nhưng mục đích vay để đầu tư nuôi heo, làm kinh tế gia đình nên xác định hai khoản vay này là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Do bà L2 chết không để lại di chúc, các hàng thừa kế cũng không có văn bản từ chối quyền thừa kế tài sản nên căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Điều 615 Bộ luật dân sự buộc ông H phải có trách nhiệm trả ½ số nợ và các đồng thừa kế bao gồm: các con của bà L2 ông H là Phan Thị Lệ T3, Phan Tường V, Phan Hồng P2 (sinh ngày 16/8/2006 do ông H làm đại diện), bà Lê Thị P1, ông H phải liên đới có trách nhiệm trả ½ số nợ nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1: Bà T1 khởi kiện yêu cầu ông H và các đồng thừa kế của bà L2 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 130.000.000đ tiền nợ gốc mà bà L2 nợ của bà T1. Tại phiên tòa hôm nay, bà T1 trình bày quá trình cho vay bà có nhận của bà L2 10.400.000đ tiền lãi nên bà đồng ý trừ số tiền 10.000.000đ vào tiền gốc, rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phan

Hồng H có trách nhiệm liên đới thanh toán ½ số nợ tương ứng số tiền là 60.000.000đồng và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 (là mẹ ruột của bà L2) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T1 số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng trong phạm vi di sản do người chết để lại. Ông H đồng ý trả số nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T1. Việc thống nhất số nợ và đồng ý trả là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T: Bà T khởi kiện yêu cầu ông H và các đồng thừa kế của bà L2 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 120.000.000đ tiền nợ gốc mà bà L2 nợ của bà T1. Tại phiên tòa hôm nay, bà T trình bày quá trình cho vay bà có nhận của bà L2 7.200.000đ tiền lãi nên bà đồng ý trừ số tiền 10.000.000đ vào tiền gốc, rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phan Hồng H và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 liên đới thanh toán 110.000.000đ. Ông H không đồng ý số tiền bà L2 còn nợ bà T ông B là 110.000.000đ mà chỉ đồng ý trả cho bà T 60.000.000đ vì ông H cho rằng bà L2 vay tiền của bà T là tiền góp ngày, theo ông được biết bà L2 đã góp cho bà T một thời gian, số tiền cụ thể là bao nhiêu ông không biết và ông H không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy ghi nhận sự tự nguyện của bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, giảm 10.000.000đ tiền nợ gốc, buộc ông H phải có trách nhiệm trả ½ số nợ là 55.000.000đ, các hàng thừa kế của bà L2 bao gồm: bà P1, ông H, chị T3, anh V, anh P2 (ông H là đại diện theo pháp luật) phải có trách nhiệm liên đới trả 55.000.000đ trong phạm vi di sản do người chết để lại cho bà T ông B.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L1: ngày 09/9/2022 bà L1 làm đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên tòa cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L1 là đúng.

Bà T, bà T1 không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét giải quyết. Về chi phí tố tụng: Bà T, bà T1 và bà L1 đã tự nguyện nộp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm bà P1, ông H, chị T3, anh V, anh P2 (do ông H làm đại diện) mỗi người phải chịu số tiền 1.250.000đ là không đúng mà hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm bà P1, ông H, chị T3, anh V, anh P2 (do ông H làm đại diện) cũng chỉ phải chịu nghĩa vụ về án phí trong phạm vi di sản do bà L2 để lại. Do đó, bà P1, ông H, chị T3, anh V, anh P2 (do ông H làm đại diện) phải cùng có nghĩa vụ chịu số tiền 6.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản của bà L2 để lại.

Bản án sơ thẩm xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T và bà Đặng Thị Diễm T1 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 và bà T tự nguyện cấn trừ tiền lãi đã nhận của bà L2 vào nợ gốc nên rút một phần yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn và hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 nên ghi nhận, tuy nhiên cấp sơ thẩm tính án phí cụ thể từng người thừa kế nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà L2 để lại là chưa đúng nên cần sửa phần án phí sơ thẩm và sửa số tiền phải thanh toán.

[3] Do sửa án sơ thẩm nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông H đã nộp.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Hồng H;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng:

- Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 267 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 613, Điều 615, Điều 651 Bộ luật dân sự;

- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T và bà Đặng Thị Diễm T1 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại" đối với bị đơn ông Phan Hồng H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm: Ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (do ông H làm đại diện), bà Lê Thị P1.

2. Buộc ông Phan Hồng H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) cho bà Đinh Thị T và ông Hoàng Văn B; 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) cho bà Đặng Thị Diễm T1 và ông Nguyễn K.

Buộc ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (anh P2 do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 có trách nhiệm liên đới thanh toán 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) cho bà Đinh Thị T, ông Hoàng Văn B và 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) cho bà Đặng Thị Diễm T1, ông Nguyễn K trong phạm vi di sản của bà L2 để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L1 đối với ông Phan Hồng H và hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L2. Bà L1 có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Ông Phan Hồng H phải có nghĩa vụ nộp tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.750.000đ (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lệ T3, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P2 (anh P2 do ông H làm đại diện hợp pháp), bà Lê Thị P1 phải cùng có nghĩa vụ chịu số tiền 5.750.000đ (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị L2 để lại.

Trả lại cho bà Đinh Thị T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003993 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Trả lại cho bà Đặng Thị Diễm T1 số tiền 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003951 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Trả lại cho bà Trịnh Thị L1 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003707 ngày 13/10/2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Trả lại cho ông Phan Hồng H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002968 ngày 15/11/2022, của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND H. Tân Phú;
- VKSND T. Đồng Nai;
- THADS H. Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Bình